

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 137/2021/HSST**

Ngày: 29/12/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thanh Nga
2. Ông Bùi Anh Tuấn

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Phan Quế Anh – Thư ký Tòa  
án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 175/2021/HSST ngày 01 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 595/2021/HSST – QĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 596/2021/QĐXXST–HS ngày 15 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị H**, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1958 tại TP. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 122/27/37 T, Phường T, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 30 Đường C, Phường H, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh; học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị U (đã chết); có chồng tên là Nguyễn Văn K, sinh năm 1959 và có 02 con chung (lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1996); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, “Có mặt”.

**Những người tham gia tổ tụng:**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà **Lâm Thị S**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 02 Đường số C, Phường H, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh. “Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

2/ Bà **Mai Thị Huỳnh M**, sinh năm 1964. Địa chỉ: 61/2 X, Phường B, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh. “Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

3/ Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm 1977. Địa chỉ: 204/101D Đ, Phường B, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh. “Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

4/ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1960. Địa chỉ: 538/122/1 Đ, Phường B, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh. “Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

5/ Bà **Nguyễn Thị H** sinh năm 1971. Địa chỉ: 46/5B Khu phố T, Phường T, Quận X, TP. Hồ Chí Minh. “Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

6/ Bà **Nguyễn Ngọc Phương A**, sinh năm 1977, ngụ tại: 232/6 B, Phường C, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh. “Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

7/ Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1965, ngụ tại: 20/1B HT, Khu phố 4, Phường T, Quận H, TP. Hồ Chí Minh. “Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

8/ Ông **Võ Quốc C**, sinh năm 1976. Địa chỉ: 122/47/42A T, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh. “Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt”

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào năm 2018 do không có việc làm, Lê Thị H nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao để kiếm tiền sinh sống. Người vay tiền thông qua giới thiệu đến gặp H vay tiền. Số tiền lãi thu được H chi tiêu sinh hoạt gia đình. Khi cho vay tiền H yêu cầu khách photocopy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu để đối chiếu với bản chính của người vay tiền. Đồng thời H yêu cầu người vay tiền viết giấy mượn tiền hoặc biên nhận vay tiền để làm căn cứ trường hợp khách hàng không trả nợ hoặc trốn đi khỏi nhà thì H sẽ đến nhà hỏi những người thân trong gia đình của khách hàng và đưa giấy vay tiền để yêu cầu họ trả nợ cho người vay tiền, trường hợp họ không trả tiền thì H sẽ đợi khi nào kiếm được sẽ đòi lại sau. Nội dung viết giấy vay tiền do H yêu cầu người vay tiền viết theo nội dung H đưa ra. Trong thời gian từ năm 2018 đến khi bị phát hiện (ngày 30/9/2020), H đã cho vay bằng hình thức vay tiền góp (đóng mỗi ngày) và vay tiền đứng (đóng lãi mỗi tháng) cho 08 (tám) người vay, cụ thể như sau:

1. Lâm Thị S, sinh năm 1968, ngụ tại: Số 02 Đường số C, Phường H, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh, H cho vay với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bằng hình thức đóng tiền góp (tiền gốc và tiền lãi) mỗi ngày 150.000 đồng/1ngày, góp trong vòng 40 ngày, kể từ ngày vay tiền 19/12/2019 với lãi suất 20%/40 ngày. Tổng cộng số tiền Son đã thanh toán cho H là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Tiền lãi H thu được là 1.000.000 (một triệu) đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 109.589 đồng, tiền thu lợi bất chính là 890.411 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 182,5 %/ 1 năm (365 ngày).

2. Mai Thị Huỳnh M, sinh năm 1964, ngụ tại: 61/2 X, Phường B, Quận Y, H cho vay với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bằng hình thức đóng tiền góp (tiền gốc và tiền lãi) mỗi ngày 200.000 đồng/1ngày, góp trong vòng 30 ngày, kể từ ngày vay tiền 25/4/2020 với lãi suất là 20%/30 ngày. Tổng cộng số tiền Mai đã thanh toán cho H là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Tiền lãi H thu được là 1.000.000 (một triệu) đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 82.191 đồng, tiền thu lợi bất chính là 917.809 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 243,333 %/ 1 năm (365 ngày).

3. Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1977, ngụ tại: 204/101D Đ, Phường B, Quận Y, H cho vay với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bằng hình thức đóng tiền góp (tiền gốc và tiền lãi) mỗi ngày 150.000 đồng/1ngày, góp trong vòng 40 ngày, kể từ ngày vay tiền 04/10/2019 với lãi suất 20%/40 ngày. Tổng cộng số tiền Đào đã thanh toán cho H là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Tiền lãi H thu được là 1.000.000 (một triệu) đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 109.589 đồng, tiền thu lợi bất chính là 890.411 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 182,5 %/ 1 năm (365 ngày).

4. Nguyễn Thị L, sinh năm 1960, ngụ tại: 538/122/1 Đ, Phường B, Quận Y, H cho vay với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, bằng hình thức đóng tiền góp (tiền gốc và tiền lãi) mỗi ngày 250.000 đồng/1ngày, góp trong vòng 24 ngày, kể từ ngày vay tiền 04/10/2019 với lãi suất 20%/24 ngày. Tổng cộng số tiền Lê đã thanh toán cho H là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Tiền lãi H thu được là 1.000.000 (một triệu) đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 65.753 đồng, tiền thu lợi bất chính là 934.247 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 304,166 %/ 1 năm (365 ngày).

5. Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, ngụ tại: 46/5B Khu phố T, Phường T, Quận X, H cho vay với số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng, bằng hình thức đóng tiền góp (tiền gốc và tiền lãi) mỗi ngày 750.000 đồng/1ngày, góp trong vòng 24 ngày, kể từ ngày vay tiền 04/10/2019 với lãi suất 20%/24 ngày. Tổng cộng số tiền Hằng đã thanh

toán cho H là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng. Tiền lãi H thu được là 3.000.000 (ba triệu) đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 197.260 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.802.740 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 304,166 %/ 1 năm (365 ngày).

6. Nguyễn Ngọc Phương A, sinh năm 1977, ngụ tại: 232/6 B, Phường C, Quận Y, H cho vay với số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, bằng hình thức đóng tiền góp (tiền gốc và tiền lãi) mỗi ngày 400.000 đồng/1 ngày, góp trong vòng 30, kể từ ngày vay tiền 13/5/2020 với lãi suất 20%/30 ngày. Tổng số tiền Phương A đã thanh toán cho H là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Lần 1: Phương A đóng tiền góp cho H đến ngày 31/5/2020 được 19 ngày với số tiền 7.600.000 đồng, Phương A vẫn còn nợ H số tiền góp là 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng. Do nhu cầu cần tiền nên Phương A tiếp tục mượn H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Sau khi trừ đi số tiền nợ lần 1 là 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng, H đưa Phương A số tiền 5.600.000 (năm triệu sáu trăm nghìn) đồng và trả bằng hình thức như trên. Đối với số tiền nợ lần 1, H thu lợi được 2.000.000 (hai triệu) đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.383 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.617 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 243,333 %/ 1 năm (365 ngày).

Lần 2: Phương A đóng tiền góp cho H từ ngày 01/6/2020 đến ngày 18/6/2020 được 18 ngày với số tiền 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng, Phương A vẫn còn nợ H số tiền 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng. Do cần tiền nên Phương A tiếp tục mượn H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Sau khi trừ đi số tiền nợ lần 2 là 4.800.000 đồng, H đưa Phương A số tiền 5.200.000 đồng và trả bằng hình thức như trên. Đối với số tiền nợ lần 2, H thu lợi được 2.000.000 đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.383 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.617 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 243,333 %/ 1 năm (365 ngày).

Lần 3: Phương A đóng tiền góp cho H từ ngày 20/6/2020 đến ngày 09/7/2020 được 20 ngày với số tiền 8.000.000 đồng, Phương A vẫn còn nợ H số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Do cần tiền nên Phương A tiếp tục mượn H số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền nợ lần 3 là 4.000.000 (bốn triệu) đồng, H đưa Phương A số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng và trả bằng hình thức như trên. Đối với số tiền nợ lần 3, H thu lợi được 2.000.000 (hai triệu) đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.383 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.617 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 243,333 %/ 1 năm (365 ngày).

Lần 4: Phương A đóng tiền góp cho H từ ngày 07/7/2020 đến ngày 21/7/2020 được 15 ngày với số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng, Phương A vẫn còn nợ H số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Do cần tiền nên Phương A tiếp tục mượn H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Sau khi trừ đi số tiền nợ lần 4 là 6.000.000 (sáu triệu) đồng, H chỉ đưa Phương A số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng và trả bằng hình thức như trên. Đối với số tiền nợ lần 4, H thu lợi được 2.000.000 (hai triệu) đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 164.383 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.617 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 243,333 %/ 1 năm (365 ngày).

Lần 5: Phương A đóng tiền góp cho H từ ngày 22/7/2020 đến ngày 01/8/2020 được 12 ngày với số tiền 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng, Phương A vẫn còn nợ H số tiền 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng. Do cần tiền nên Phương A tiếp tục mượn H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Sau khi trừ đi số tiền nợ lần 5 là 7.200.000 (bảy triệu hai trăm nghìn) đồng, H đưa Phương A số tiền 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng và trả bằng hình thức như trên. Đối với số tiền nợ lần 5, H thu lợi được 2.000.000 (hai triệu) đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là

164.383 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.835.617 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 243,333 %/ 1 năm (365 ngày).

Lần 6: Phương A đóng tiền góp cho H từ ngày 02/8/2020 đến ngày 04/8/2020 được 02 ngày với số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, Phương A vẫn còn nợ H số tiền 11.200.000 (mười một triệu hai trăm nghìn) đồng và ngưng đóng cho đến nay. Hiện nay Phương A vẫn còn nợ H số tiền 11.200.000 (mười một triệu hai trăm nghìn) đồng. Đối với số tiền nợ lần 6, H thu lợi được 133.333 đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 10.958 đồng, tiền thu lợi bất chính là 122.375 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 243,333 %/ 1 năm (365 ngày).

Tổng số tiền lợi H thu được khi H cho Phương A vay sau 06 lần vay là 10.133.333 (mười triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 9.300.460 (chín triệu ba trăm nghìn bốn trăm sáu mươi) đồng.

7. Nguyễn Thị O, sinh năm 1965, ngụ tại: 20/1B HT, Khu phố 4, Phường T, Quận H, H cho vay với số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng bằng hình thức đóng tiền góp (tiền gốc và tiền lãi) mỗi ngày 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, góp trong vòng 60 ngày, kể từ ngày vay tiền 12/11/2019 với lãi suất 20%/60 ngày. Tổng số tiền O đã thanh toán cho H là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng. Tiền lãi H thu được là 2.000.000 (hai triệu) đồng, trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 328.767 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.671.233 đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 121,666 %/ 1 năm (365 ngày).

8. Võ Quốc C, sinh năm 1976, ngụ tại: 122/47/42A T, Phường X, Quận Y, H cho vay số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng bằng hình thức đóng tiền lãi mỗi tháng (30 ngày) 16.000.000 đồng, kể từ ngày vay tiền 12/02/2019 với lãi suất 20%/1 tháng (30 ngày). C đã đóng tiền lãi cho H được 01 tháng với số tiền 16.000.000 đồng. Sau đó C bỏ đi không đóng tiếp tiền lãi cho H. C vẫn nợ H số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Ngày 06/10/2019 C quay về và gặp H để thương lượng số tiền nợ trên. Do lúc trước C chơi hụi chung với H và nợ H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nên cả hai thống nhất số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng. Ngày 09/11/2019 và 20/11/2019 chị Lê Thị Thúy Ng, sinh năm 1980, ngụ tại: 122/47/42A T, Phường X, Quận Y, đến gặp Nguyễn Lê Kim Ng, sinh năm 1996, ngụ tại: 30 Đ, Phường H, Quận Y (là con của H) và H để thanh toán cho H với tổng số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng nên H không lấy tiền lãi là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Như vậy, tổng số tiền H thu lợi là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng. Trong đó: Tiền thu lợi theo lãi suất quy định là 1.315.068 đồng, tiền thu lợi bất chính là 14.684.932 (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi hai) đồng. Lãi suất H thu lợi trên một năm là 240 %/ 1 năm (12 tháng).

Tổng số tiền H đã cho 08 người vay là 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng, số tiền lãi H thu được từ việc cho vay trên là: 35.133.333 (ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, trong đó tiền thu lợi bất chính là 32.092.243 (ba mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi ba) đồng, tiền thu lợi theo lãi suất quy định Bộ luật Dân sự là 3.041.090 (ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi) đồng.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4 thu giữ 15 giấy vay nợ của H. Qua điều tra, xác minh những người vay tiền này đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4 không có cơ sở để xử lý.

Đối với 10 quyển tập có nội dung H cho vay tiền. Tuy nhiên không rõ nhân thân lai lịch của những người vay tiền, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4 đã

cho đăng báo tìm người có liên quan trong việc vay tiền của H, nhưng đến nay cũng không có ai trình báo, nên không có cơ sở để xử lý.

Tại Cáo trạng số 130/CT – VKS ngày 18/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo trình bày do bán nhà đi ở thuê nên bị cáo có dư ra một số tiền và nảy sinh ý định cho vay tiền góp để kiếm sống vì bị cáo đang nuôi chồng bị tai biến và nuôi cháu nội còn nhỏ. Do bị cáo không hiểu pháp luật nên mới phạm tội. Đối với những người đã vay tiền của bị cáo do họ đã trả nợ xong nên bị cáo không có yêu cầu gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử về hình phạt chính đối với bị cáo Lê Thị H: Phạt tiền từ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đến 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho 08 người đã vay tiền của bị cáo số tiền lãi suất vượt mức quy định theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 32.092.000 (ba mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền mà bị cáo đã cho 08 người vay là 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng và số tiền thu lợi lãi suất theo quy định là 3.041.090 (ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi) đồng, bởi đây là tiền do phạm tội mà có.

- Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 4, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, cùng các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến ngày 30/9/2020, bị cáo Lê Thị H đã có hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất từ 121%/năm đến 304%/năm, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 32.092.243 (ba mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi ba) đồng. Do đó, quan điểm truy tố của

Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với bị cáo Lê Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp làm xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng mà còn xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Về nhân thân bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình nên cần có hình phạt nghiêm để xử phạt bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: Phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét, bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn hiện đang ở nhà thuê; là lao động chính trong gia đình đang nuôi chồng bị bệnh tai biến nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên và áp dụng thêm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét, do bị cáo Lê Thị H có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như: bà Lâm Thị S, bà Mai Thị Huỳnh M, bà Nguyễn Thị Hồng Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Ngọc Phương A, bà Nguyễn Thị O và ông Võ Quốc C là những người đã vay tiền lãi nặng của bị cáo có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hôm nay và bị cáo H khai nhận những người có tên nêu trên đã trả nợ xong cho bị cáo nên không có yêu cầu gì thêm và các bên không có tranh chấp gì về số tiền cho vay, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với tổng số tiền 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng mà bị cáo H dùng để cho 08 (tám) người vay lãi nặng. Xét, đây là số tiền mà bị cáo H dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi 32.092.243 (ba mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi ba) đồng mà bị cáo H đã thu lãi nặng của 08 (tám) người vay nợ nêu trên. Xét, đây là số tiền lãi vượt mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên buộc bị cáo H phải trả lại cho 08 (tám) người đã vay nợ của bị cáo.

Đối với số tiền 3.041.090 (ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi) đồng mà bị cáo H đã thu lợi của 08 (tám) người vay theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét, đây là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 23 (hai mươi ba) tờ giấy có liên quan đến việc cho vay tiền. Xét, đây là vật chứng quan trọng của vụ án nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ.

- 10 (mười) quyển tập có nội dung cho vay tiền. Xét, đây là vật chứng quan trọng của vụ án nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S9 màu đen. Xét, đây là chiếc điện thoại bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- 02 cây đao không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra Công an Quận 4 đã trích hồ sơ giải quyết xong nên không có gì giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo Lê Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i- s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Lê Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

+ Buộc bị cáo Lê Thị H phải trả lại tổng số tiền 32.092.243 (ba mươi hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi ba) đồng cho 08 (tám) người đã vay nợ của bị cáo, (gồm: bà Lâm Thị S 890.411 đồng; bà Mai Thị Huỳnh M 917.809 đồng; bà Nguyễn Thị Hồng Đ 890.411 đồng; bà Nguyễn Thị L 934.247 đồng; bà Nguyễn Thị H 2.802.740 đồng; bà Nguyễn Ngọc Phương A 9.300.460 đồng; bà Nguyễn Thị O 1.671.233 đồng và ông Võ Quốc C 14.684.932 đồng).

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp lại số tiền 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng và số tiền 3.041.090 (ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi) đồng, để tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 23 (hai mươi ba) tờ giấy có liên quan đến việc cho vay tiền; 10 (mười) quyển tập có nội dung cho vay tiền.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S9 màu đen, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 56 ngày 16/12/2021 giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

+ Bị cáo Lê Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; (1)
- Người có QLNVLQ (8)
- CA TP. HCM ; (1)
- TAND TP. HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP. HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- Trại tạm giam PC-81B (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phương Thúy**